

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2818/TTr-SNV ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ quy định tại Phụ lục II và dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu

thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do doanh nghiệp thực hiện.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động, người quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công; doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết định giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công và thanh toán kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Nguyên tắc và phương pháp xác định**

1. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ( $H_{đc}$ ) so với mức lương cơ sở theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH đối với từng địa bàn trong tỉnh như sau:

a) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương vùng II (gồm các phường Việt Trì, Nông Trang, Thanh Miếu, Vân Phú, Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Xuân Hòa, Hòa Bình, Kỳ Sơn, Tân Hòa, Thông Nhất và các xã Hy Cương, Yên Lạc, Tê Lỗ, Liên Châu, Tam Hồng, Nguyệt Đức, Bình Nguyên, Xuân Lãng, Bình Xuyên, Bình Tuyền, Lương Sơn, Cao Dương, Liên Sơn, Thịnh Minh): không quá hệ số 0,5;

b) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương vùng III (gồm các phường Phong Châu, Phú Thọ, Âu Cơ và các xã Lâm Thao, Xuân Lũng, Phùng Nguyên, Bản Nguyên, Phù Ninh, Dân Chủ, Phú Mỹ, Trạm Thán, Bình Phú, Thanh Ba, Quảng Yên, Hoàng Cương, Đông Thành, Chí Tiên, Liên Minh, Tam Nông, Thọ Văn, Vạn Xuân, Hiền Quan, Tam Sơn, Sông Lô, Hải Lựu, Yên Lãng, Lập Thạch, Tiên Lữ, Thái Hòa, Liên Hòa, Hợp Lý, Sơn Đông, Tam Đảo, Đại Đình, Đạo Trù, Tam Dương, Hội Thịnh, Hoàng An, Tam Dương Bắc, Vĩnh Tường, Thổ Tang, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Phú, Vĩnh Thành): không quá hệ số 0,4;

c) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương vùng IV (gồm các xã, phường còn lại): không quá hệ số 0,3 .

d) Việc xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: sản phẩm, dịch vụ công ích phát sinh trên địa bàn vùng nào thì áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ( $H_{đc}$ ) của địa bàn vùng đó.

2. Chi phí khác trong chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ công, gồm: chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động; chi phí ăn giữa ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo quy định pháp luật.

3. Phương pháp xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH để xác định tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ; tiền lương của lao

động quản lý doanh nghiệp và chi phí khác trong chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Doanh nghiệp thực hiện sản phẩm, dịch vụ công căn cứ vào quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH và hướng dẫn của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng sản phẩm, dịch vụ công cụ thể để tính toán, xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở đấu thầu hoặc báo cáo Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2025. Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (cũ) quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (cũ) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản, quy định pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính,
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Khắc Hiếu**